

Số: **21** /2020/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **18** tháng **9** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/Đ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 09/6/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2815/TTr-STC ngày 19/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày **30/9/2020**.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Trị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính (B/c)
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TT/HĐND tỉnh (B/c);
- Trung tâm Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TM. *nh*



Võ Văn Hưng

QUY ĐỊNH

**Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích
từ đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2020/QĐ-UBND ngày 18 /9 /2020 của
UBND tỉnh Quảng Trị)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Điều 2. Mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = 60% (x) Diện tích (x) Giá của loại đất trồng lúa, trong đó:

1. Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

2. Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành.

Điều 3. Tổ chức thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

1. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước có trách nhiệm kê khai số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất gửi cơ quan Tài chính (Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố).

Cơ quan Tài chính căn cứ bản kê khai của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất, xác định và thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp, cụ thể:

a) Sở Tài chính xác định và thông báo số tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa phải nộp đối với trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao

đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố xác định và thông báo số tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa phải nộp đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp.

2. Khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách tỉnh và hạch toán tài khoản số 7111, mã chương 560, mã nội dung kinh tế 4914.

3. Thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa:

Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan Tài chính các cấp có văn bản thông báo số tiền phải nộp, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất làm thủ tục và nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước theo thông báo của cơ quan Tài chính.

Quá thời hạn nộp theo thông báo của cơ quan Tài chính các cấp, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải nộp thêm khoản tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

4. Sau khi nộp tiền vào ngân sách nhà nước, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gửi 01 chứng từ (*hoặc giấy xác nhận nộp tiền*) về cơ quan Tài chính để theo dõi, quản lý.

Điều 4. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã và người sử dụng đất.

1. Sở Tài chính:

a) Theo dõi việc thu, hạch toán, quản lý khoản thu từ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

b) Hàng năm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan, căn cứ vào kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, dự kiến khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (*nguồn thu từ chuyển mục đích trên địa bàn tỉnh, nguồn Trung ương bổ sung dành cho nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa*) để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa làm cơ sở cho cơ quan Tài chính xác định số tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa phải nộp.

b) Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, tổng hợp tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tình hình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ và sử dụng nguồn thu theo quy định tại điểm b, Khoản 1 Điều này.

b) Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Kho bạc Nhà nước các cấp:

a) Cung cấp chứng từ nộp tiền cho cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước theo mẫu quy định của hệ thống cơ quan Kho bạc Nhà nước.

b) Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo thông báo của cơ quan Tài chính theo quy định vào ngân sách nhà nước.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức công bố công khai và quản lý chặt chẽ đất trồng lúa nước theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố ghi cụ thể diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp và nêu rõ trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phải nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

c) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố xác định và thông báo số tiền phải nộp đối với các trường hợp quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền cấp huyện.

d) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bảo vệ diện tích, chỉ giới, chất lượng đất trồng lúa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt.

e) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kiểm tra việc thực hiện nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước trước khi giao đất ngoài thực địa.

6. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước:

Thực hiện kê khai và nộp đầy đủ, đúng thời hạn số tiền bảo vệ phát triển đất lúa quy định tại Quy định này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Các nội dung có liên quan không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/Đ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các văn bản quy định hiện hành.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng